TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 11 – HẢI PHÒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2026/DS-ST
Ngày: 03/02/2026
"V/v: Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11 – HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đàm Nhân Trác.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Văn Lâm.

2. Ông Nguyễn Văn Tuân.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Văn Hùng - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 11 – Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 – Hải Phòng tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 02 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 11 – Hải Phòng, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 155/2025/TLST-DS ngày 20 tháng 10 năm 2025 về "Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2026/QĐXX-ST ngày 08 tháng 01 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên toà số 01/2026/QĐXX-ST ngày 26 tháng 01 năm 2026, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Anh Nguyễn Đình D, sinh ngày 22/6/1990; CCCD số 030090007218, cấp ngày 13/5/2024; Địa chỉ: Thôn AĐ, xã AP, thành phố Hải Phòng.

- *Bị đơn*: Anh Nguyễn Văn K, sinh ngày 01/10/1991; CCCD số 030091007697, cấp ngày 29/4/2021; Địa chỉ: Thôn LD, xã ĐS, thành phố Hải Phòng.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

+ Chị Nguyễn Thị Y, sinh ngày 02/02/1998; CCCD số 090198004307, cấp ngày 10/8/2021; Địa chỉ: Thôn AĐ, xã AP, thành phố Hải Phòng.

Đại diện theo ủy quyền của anh Nguyễn Đình D và chị Nguyễn Thị Y là chị Chu Thị NA, sinh năm 1997; Địa chỉ: Thôn VM, xã PT, thành phố Hải Phòng.

Người làm chứng: Anh Ninh Chí T, sinh năm 1993; Địa chỉ: Khu đô thị ĐĐ, đường NTH, phường TH, thành phố Hải Phòng

(Tại phiên tòa chị Y, chị NA, anh T vắng mặt; anh K, anh D có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, biên bản lấy lời khai và tại phiên toà, nguyên đơn – anh Nguyễn Đình D trình bày:

Anh và anh Nguyễn Văn K là cán bộ ngân hàng có quen biết nhau, bản thân anh có kinh doanh vật liệu xây dựng, phải vay vốn ngân hàng để phục vụ việc kinh doanh. Trước đó, anh K đã vài lần làm thủ tục đáo hạn ngân hàng cho anh. Khoảng cuối tháng 3/2025, anh có nhu cầu tất toán khoản vay tại Ngân hàng OceanBank để vay ở Ngân hàng khác nên có vay của anh K số tiền 1.143.000.000 đồng để trả nợ ngân hàng OceanBank, anh K đồng ý. Sau khi tất toán khoản vay tại ngân hàng OceanBank, anh làm thủ tục vay vốn tại Ngân hàng Agribank- chi nhánh huyện Nam Sách và vay được số tiền 02 tỷ đồng. Số tiền trên sau khi được giải ngân đã được Ngân hàng chuyển vào tài khoản của anh K tại Ngân hàng Agribank (theo quy định của ngân hàng, khoản vay ngắn hạn thì phải giải ngân vào tài khoản của người khác nên anh nhờ tài khoản của anh K). Sau khi nhận được tiền, anh trả anh K số tiền 1.143.000.000 đồng đã vay, số tiền dư là 857 triệu đồng anh K đề nghị anh cho vay lại trong thời hạn 07 ngày, anh đồng ý. Tuy nhiên, hết 07 ngày anh hỏi thì anh K nói đang gặp khó khăn, chưa có tiền trả ngay và đề nghị anh cho anh K vay số tiền trên trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày 28/3/2025, hết thời hạn trên anh K sẽ trả toàn bộ khoản nợ, anh nhất trí. Anh và anh K có lập giấy Giấy vay tiền đề ngày 28/3/2025, nội dung cụ thể là anh K vay của anh số tiền 857 triệu đồng trong thời hạn 60 ngày. Lãi suất ghi trong giấy vay tiền là 0%; nhưng trên thực tế anh và anh K thỏa thuận mỗi tháng anh K trả lãi cho anh là 07 triệu đồng. Khi lập giấy vay tiền có anh, anh K và bạn của anh là anh Ninh Chí T là người chứng kiến. Giấy vay tiền do anh đưa cho anh K tự tay điền vào giấy. Sau khi vay tiền, anh K có trả cho anh 02 tháng tiền lãi (từ ngày 28/3/2025 đến ngày 28/5/2025), tổng cộng là 14 triệu đồng bằng phương thức chuyển khoản ngân hàng. Hết 02 tháng, anh đã nhiều lần yêu cầu anh K trả nợ nhưng anh K viện nhiều lý do, không trả.

Nay anh khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc anh K trả cho anh toàn bộ số nợ gốc là 857 triệu đồng và số tiền lãi của số nợ gốc từ ngày 29/5/2025 đến khi Tòa án giải quyết xong vụ án với lãi suất 10%/năm.

Khi cho anh K vay tiền, chị Nguyễn Thị Y không biết việc này. Đến khi anh không đòi được anh K, anh đã thông báo cho chị Y biết. Anh xác định số tiền anh cho anh K vay là tài sản chung của anh và chị Y. Sau khi trao đổi, chị Y cũng nhất trí với quan điểm của anh, yêu cầu Tòa án buộc anh K trả cho anh toàn bộ số nợ gốc là 857 triệu đồng và tiền lãi của tiền vay từ ngày 29/5/2025 đến khi Tòa án giải quyết xong vụ án.

** Tại biên bản lấy lời khai và tại phiên toà, bị đơn- anh Nguyễn Văn K trình bày:*

Về quan hệ giữa anh và anh D, quá trình thỏa thuận vay tiền, trả tiền lãi

như anh D trình bày là đúng. Đối với yêu cầu khởi kiện của anh D, anh nhất trí trả số nợ gốc là 857 triệu đồng. Đối với yêu cầu về lãi suất, anh nhất trí sẽ trả số tiền lãi của số nợ gốc từ ngày 29/5/2025 với lãi suất 10%/năm đến khi Tòa án giải quyết xong vụ án theo yêu cầu của anh D. Tuy nhiên, do điều kiện kinh tế khó khăn, anh không thể trả anh D toàn bộ khoản nợ trên trong một lần. Anh đề nghị được trả dần khoản nợ trên, mỗi tháng anh sẽ trả cho anh D số tiền 07 triệu đồng cho đến khi trả xong toàn bộ khoản nợ. Anh xác định khoản vay trên do một mình anh vay và sử dụng vào việc riêng của anh, không liên quan gì đến vợ anh là chị Đỗ Thị H.

** Chị Chu Thị NA- Đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan- chị Nguyễn Thị Y trình bày*: Chị xác định tại thời điểm anh D cho anh K vay tiền, chị không biết, cũng không tham gia vào giao dịch giữa hai bên. Sau khi hết thời hạn 60 ngày ghi trong Giấy vay tiền, anh D nhiều lần yêu cầu anh K trả tiền nhưng anh K không trả, anh D mới kể lại cho chị biết về việc vay mượn tiền. Chị xác định số tiền anh D cho anh K vay là tài sản chung của vợ chồng chị. Đối với yêu cầu khởi kiện của anh D, chị hoàn toàn nhất trí, không bổ sung gì thêm.

* Người làm chứng- anh Ninh Chí T trình bày: Anh và anh Nguyễn Đình D có quan hệ là bạn bè. Khoảng cuối tháng 3/2025, anh D nhờ anh chở đến Ngân hàng Agribank- chi nhánh huyện Nam Sách cũ để làm thủ tục vay vốn. Sau khi hoàn tất các thủ tục cần thiết, anh D nói với anh là vay được số tiền 02 tỷ đồng và đã được giải ngân vào tài khoản ngân hàng của anh K. Quá trình thỏa thuận vay tiền, trả tiền và trả tiền lãi như anh D, anh K trình bày là đúng. Giấy vay tiền ngày 28/3/2025 giữa anh D, anh K, anh có ký với tư cách là người làm chứng. Khi anh D và anh K thỏa thuận và lập giấy vay tiền thì chỉ có ba người, không còn người nào khác chứng kiến.

Tại phiên tòa:

Anh D vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, anh K đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

Đại diện VKSND khu vực 11 – Hải Phòng tham gia phiên toà phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng đến trước thời điểm HĐXX nghị án và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng các Điều 275, Điều 278, Điều 280, Điều 357, Điều 385, Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự; Khoản 3 Điều 26, Điều 35 BLTTDS sửa đổi bổ sung năm 2025, khoản 3, 4 Điều 68, Điều 186, Điều 217, Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Toà án:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Đình D, buộc anh Nguyễn Văn K phải trả số tiền nợ gốc 857 triệu đồng cho anh D, chị Y và trả số tiền lãi của số tiền vay với lãi suất 10%/năm.

- Về án phí: Anh Nguyễn Văn K phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Anh Nguyễn Đình D có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án buộc anh Nguyễn Văn K phải trả cho anh số tiền 857 triệu đồng theo Giấy biên nhận vay tiền ghi ngày 28/3/2025, lãi suất theo thỏa thuận. Vì vậy xác định đây là vụ án dân sự về *"Tranh chấp hợp đồng dân sự"* được quy định tại khoản 3 Điều 26 BLTTDS.

[1.2] Tại thời điểm Tòa án thụ lý vụ án anh Nguyễn Văn K sinh sống tại thôn LD, xã ĐS, thành phố Hải Phòng. Do đó TAND khu vực 11 – Hải Phòng thụ lý để giải quyết là đúng về thẩm quyền quy định tại Điều 35 BLTTDS sửa đổi bổ sung năm 2025.

[1.3] Tại thời điểm lập giấy vay tiền, vợ anh K là chị Đỗ Thị H không có mặt, cả anh D và anh K đều xác định chị H không liên quan gì đến khoản vay và xác định anh K là người có trách nhiệm trả khoản vay trên cho anh D. Mặt khác, qua xác minh tại Phòng Quản lý xuất nhập cảnh- Công an thành phố Hải Phòng thì thấy chị H đã xuất cảnh từ năm 2024, trước thời điểm anh K vay anh D tiền, phù hợp với lời khai của anh K, anh D. Do đó, HĐXX xác định chị H không phải là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xem xét yêu cầu của anh Nguyễn Đình D đề nghị Tòa án buộc anh Nguyễn Văn K phải trả số tiền gốc là 857 triệu đồng thì thấy: Quá trình làm việc tại Tòa án được thể hiện qua các biên bản lấy lời khai, biên bản hòa giải, anh D và anh K đều xác nhận giữa hai anh có việc cho nhau vay số nợ gốc 857 triệu đồng thể hiện bằng giấy vay tiền đề ngày 28/3/2025 nộp cho Tòa án, thời hạn vay 60 ngày, tính từ ngày 28/3/2025 và đều xác định đến nay anh K chưa thanh toán trả cho anh D số nợ gốc là 857 triệu đồng theo như giấy vay tiền nói trên. Do đó có căn cứ chấp nhận yêu cầu của anh Nguyễn Đình D để buộc anh Nguyễn Văn K phải trả cho anh Nguyễn Đình D số tiền gốc còn nợ là 857 triệu đồng.

[2.2] Xem xét đối với yêu cầu tính lãi đối với số tiền gốc 857 triệu đồng:

Tại Giấy vay tiền đề ngày 28/3/2025 không ghi lãi suất nhưng trong quá trình giải quyết vụ án, anh D và anh K đều thừa nhận có thỏa thuận về lãi suất, trên thực tế anh K đã trả cho anh D tiền lãi của số nợ gốc trong 02 tháng, mỗi

tháng 07 triệu đồng, tổng cộng là 14 triệu đồng. Tại phiên toà anh D và anh K thống nhất với lãi suất 10%/năm, phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự. Như vậy, lãi suất buộc anh Nguyễn Văn K phải trả cho anh Nguyễn Đình D trong khoảng thời gian trên được tính là (857.000.000đồng x 250 ngày x 10%): 365 ngày = 58.698.000đồng.

[3] Về án phí: Do yêu cầu của anh Nguyễn Đình D được chấp nhận nên anh Nguyễn Văn K phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 275, Điều 278, Điều 280, Điều 357, Điều 385, Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự; Khoản 3 Điều 26, Điều 35 BLTTDS sửa đổi bổ sung năm 2025, khoản 3, 4 Điều 68, Điều 186, Điều 217, Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Toà án:

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Đình D. Buộc anh Nguyễn Văn K phải trả cho anh Nguyễn Đình D (vợ là chị Nguyễn Thị Y) số tiền gốc còn nợ là 857.000.000đồng *(Tám trăm năm mươi bảy triệu đồng)* và tiền lãi (tính đến ngày xét xử 03/02/2026) là 58.698.000đồng *(Năm mươi tám triệu sáu trăm chín mươi tám nghìn đồng).*

Tổng số tiền anh Nguyễn Văn K phải trả cho anh Nguyễn Đình Dlà: 857.000.000đ + 58.698.000đ= 915.698.000đ *(Chín trăm mười lăm triệu sáu trăm chín mươi tám nghìn đồng).*

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn đề nghị thi hành án, người phải thi hành án không tự nguyện thi hành những khoản tiền trên thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán, trừ trường hợp có thỏa thuận. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí: Anh Nguyễn Văn K phải chịu 39.470.600 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại anh Nguyễn Đình D số tiền tạm ứng án phí 21.700.000 đồng anh đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0003705 ngày 14/10/2025 của Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng.

3. Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 271, 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Anh Nguyễn Văn K, anh Nguyễn Đình D có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; chị Nguyễn Thị Y có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- VKSND khu vực 11 – Hải Phòng;
- Phòng THA dân sự khu vực 11 – Hải Phòng;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VP;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đàm Nhân Trác

THÀNH VIÊN HĐXX	THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Nguyễn Thanh HảiNguyễn Thị Hồng	**Đàm Nhân Trác**